TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2020
V/v ly hôn giữa chị H và anh D

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Trần Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Én – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/TLST–HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Xóm 2, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn D, sinh năm 1987; đăng ký HKTT: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố số 18, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Trần Văn P – Sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 18, xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-6-2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn D trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06-5-2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà bố mẹ chồng ở xã H, huyện H. Đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D ham chơi bời, phá tán kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh D nhiều lần bỏ nhà đi, chị không biết lý do đi đâu, làm gì. Đến khoảng tháng 11-2019 anh D tiếp tục bỏ nhà đi, sau đó chị được biết anh D bị Công an bắt tại thị trấn T, huyện H và bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định về tội Cưỡng đoạt tài sản. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D nên xin được giải quyết ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thị Thu H1, sinh ngày 28-4-2009; Trần Văn T, sinh ngày 04-01-2011 và Trần Văn B1, sinh ngày 16-6-2013. Hiện nay ba con đang ở cùng với chị ở nhà bố mẹ đẻ chị tại xã H. Nếu ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi ba con, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con vì anh D đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam không có kinh tế; khi anh D ra tù về muốn nuôi con thì hai bên sẽ thỏa thuận sau.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc anh D khai vợ chồng còn nợ Ngân hàng VP Bank 200 triệu đồng, anh Nguyễn Văn T1 80 triệu đồng và chị Nguyễn Thị B 200 triệu đồng thì chị không được biết nên chị không công nhận là nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 04-7-2020 và Biên bản lấy lời khai ngày 22-7-2020, bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng do anh đang phải chấp hành án 24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản tại Trại giam nên đề nghị Tòa án tạm dừng việc giải quyết ly hôn cho đến khi anh chấp hành xong hình phạt tù.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có ba con chung đúng như chị H trình bày. Nếu ly hôn anh nhận được nuôi hai con là Trần Thị Thu H1 và Trần Văn T; anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh nuôi con, anh sẽ nhờ em trai anh là Trần Văn P nuôi hộ cho đến khi anh chấp hành xong án tù.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng VP Bank 200.000.000 đồng; nợ anh Nguyễn Văn T1 có địa chỉ tại Tổ dân phố số 7, thị trấn Y, huyện H 80.000.000 đồng, vay để kinh doanh nhà nghỉ khoảng năm 2016 – 2017; nợ chị Nguyễn Thị B có địa chỉ tại Tổ dân phố số 18, thị trấn T, huyện H 200.000.000 đồng, vay để kinh doanh nhà nghỉ. Việc vay anh T1 và chị B có viết giấy biên nhận có chữ ký của hai vợ chồng do chủ nợ giữ. Ngoài ra vợ chồng còn một số khoản nợ khác anh chưa nhớ khi nào chấp hành xong án phạt tù sẽ giải quyết sau. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia số nợ trên khi ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 05-8-2020; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị có cho vợ chồng anh D, chị H vay tiền nhiều lần để kinh doanh nhà nghỉ tại thị trấn T, huyện H tổng cộng là 205.000.000 đồng. Anh

D là người ký giấy vay nhưng chị H có biết. Đã trả cho chị được 01 tháng lãi và 3.000.000 đồng gốc. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh D, chị H trả nợ cho chị số tiền còn nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-8-2020, người làm chứng anh Trần Văn P trình bày: Anh là em cùng cha khác mẹ với anh D. Anh có cho anh D vay tiền nhưng là việc riêng giữa hai anh em không liên quan đến chị H nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc anh D đề nghị anh nuôi hộ con cho anh D trong thời gian anh D đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam thì anh không nhất trí, anh D đi tù thì chị H có trách nhiệm nuôi con, anh không giúp được anh D nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H; cho ly hôn giữa chị H và anh D; giao ba con chung chưa thành niên cho chị Ngô Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ghi nhận việc chị Ngô Thị H không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con; về nợ anh D khai chưa đủ căn cứ nên tách ra giải quyết sau bằng vụ án khác; chị Ngô Thị H nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị H và bị đơn anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Người làm chứng anh Trần Văn P vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án. Do đó Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự, người làm chứng trên là phù hợp quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Trần Văn D đăng ký kết hôn 06-5-2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên có hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, anh D thường bỏ nhà đi không nói rõ lý do với chị H, vợ chồng có bất đồng về kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến tháng 11-2019 anh D bị bắt do vi phạm pháp luật và bị kết án 24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, hiện đang chấp hành án. Nay chị H và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D yêu cầu

tạm dừng giải quyết ly hôn với lý do anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam nhưng chị H không nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D là có thật, các bên đều xác định không còn tình cảm với nhau, đến nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị H đối với anh Trần Văn D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Ngô Thị H và anh Trần Văn D thống nhất có ba con chung chưa thành niên là Trần Thị Thu H1, sinh ngày 28-4-2009; Trần Văn T, sinh ngày 04-01-2011 và Trần Văn B1, sinh ngày 16-6-2013. Chị H và anh D đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Xét thấy anh D đang chấp hành án tại trại giam nên không đảm bảo điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục các con và cũng không có khả năng kinh tế để nuôi con; chị H đang làm công nhân tại địa phương có công việc và thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ trực tiếp của gia đình bố mẹ đẻ khi nuôi con; mặt khác cả ba con đang ở với chị H vẫn đảm bảo đầy đủ về mọi mặt và đều có nguyện vọng xin ở cùng với mẹ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con do anh D đang chấp hành án tù nên không buộc anh D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh D thống nhất không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn D khai vợ chồng còn nợ Ngân hàng VP Bank 200.000.000 đồng; nợ anh Nguyễn Văn T1 80.000.000 đồng và nợ chị Nguyễn Thị B 200.000.000 đồng. Anh yêu cầu chia số nợ trên khi ly hôn. Tuy nhiên chị H không thừa nhận số nợ trên là nợ chung. Xét thấy:

[5.1] Về khoản nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V (viết tắt là VP Bank): Theo bản án sơ thẩm số 103/2019/DS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định thì anh Trần Văn D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 367.788.982 đồng (gồm nợ gốc là 189.177.213 đồng, nợ lãi tính đến ngày 05-11-2019 là 161.450.431 đồng, phạt chậm trả lãi là 17.161.338 đồng). Mặc dù anh D khai anh được bà Nguyễn Thị Q nhờ đứng tên hồ sơ vay hộ bà Q tại VP Bank số tiền gốc 200.000.000 đồng, tuy nhiên bản án trên đã xác định anh D có nghĩa vụ trả nợ cho VP Bank số tiền đã vay. Đây là nợ riêng của anh D không liên quan đến chị Ngô Thị H vì chính anh D thừa nhận việc anh vay VP Bank chị H không biết, khi đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân. Chị H cũng khẳng định không liên quan đến khoản nợ này. Như vậy việc anh D khai nợ VP Bank là nợ chung vợ chồng là không có cơ sở chấp nhận, mặt khác việc anh D vay nợ VP Bank cũng đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét trong vụ án này.

[5.2] Về khoản nợ anh Nguyễn Văn T1: Anh D khai vợ chồng có vay anh T1 80 triệu đồng để kinh doanh nhà nghỉ vào khoảng năm 2016 – 2017, vợ chồng cùng ký giấy vay nợ do chủ nợ giữ. Chị H không công nhận, chị khẳng định không quen biết anh T1. Tòa án đã triệu tập anh T1 theo địa chỉ do anh D cung

cấp là Tổ dân phố số 07, thị trấn Y, huyện H nhưng anh T1 không đến Tòa làm việc. Kết quả xác minh tại cơ sở Tổ dân phố số 7, thị trấn Y cũng không có thông tin gì về anh Nguyễn Văn T1. Do đó không có sơ sở để xem xét giải quyết yêu cầu của anh D về khoản nợ anh Nguyễn Văn T1. Nếu sau này các bên cung cấp được địa chỉ của người cho vay nợ thì có thể giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5.3] Về khoản nợ chị Nguyễn Thị B: Anh D khai vợ chồng có vay nợ chị B 200 triệu đồng để kinh doanh nhà nghỉ ở thị trấn Thịnh Long nhưng chị H không thừa nhận là nợ chung. Chị Nguyễn Thị B có lời khai xác nhận lời khai của anh D nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vay nợ của anh D, chị H. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng chị B đều vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu đòi nợ của chị Nguyễn Thị B trong vụ án này. Nếu sau này các bên có tranh chấp về việc cho vay tài sản sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Trần Văn D.

2. Về nuôi con chung:

Giao ba con chung là Trần Thị Thu H1, sinh ngày 28-4-2009; Trần Văn T, sinh ngày 04-01-2011 và Trần Văn B1, sinh ngày 16-6-2013 (đều đang ở với chị H) cho chị Ngô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị H không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Ngô Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002209 ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Ngô Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự: 03 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên